

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1970 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chiến lược phát triển Ngành Khí tượng Thủy văn
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khí tượng Thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển Ngành Khí tượng Thủy văn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Công tác khí tượng thủy văn là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, có tính đặc thù, liên vùng, liên ngành, xuyên biên giới; thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn là đầu vào quan trọng của các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội, phục vụ đời sống hằng ngày của người dân và góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia.

2. Đầu tư cho khí tượng thủy văn là đầu tư cho phát triển, cần đi trước một bước, tiến hành đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, kết hợp tăng chi từ ngân sách nhà nước với đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư; ưu tiên phân bổ nguồn chi ngân sách thường xuyên bảo đảm duy trì, vận hành hoạt động của hệ thống khí tượng thủy văn quốc gia.

3. Ngành Khí tượng Thủy văn có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của các ngành, địa phương, phòng chống thiên tai, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia; khuyến khích, mở rộng xã hội hóa, tạo mọi điều kiện thuận lợi thu hút tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động khí tượng thủy văn.

4. Chú trọng hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có tư duy đổi mới, sáng tạo, tận dụng hiệu quả các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong lĩnh vực khí tượng thủy văn.

5. Ưu tiên hiện đại hóa hệ thống quan trắc, thông tin, nâng cao năng lực công nghệ dự báo và tiến hành chuyển đổi số công tác khí tượng thủy văn; tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ, chủ động, tích cực hợp tác quốc tế góp phần thúc đẩy, phát triển Ngành Khí tượng Thủy văn của Việt Nam.

II. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

1. Mục tiêu chung

a) Đến năm 2030: Phát triển Ngành Khí tượng Thủy văn của Việt Nam đạt trình độ khoa học công nghệ tiên tiến của khu vực Châu Á; đủ năng lực cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn đầy đủ, tin cậy, kịp thời đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia; hình thành và phát triển được thị trường dịch vụ, công nghệ khí tượng thủy văn phục vụ đa mục tiêu, đa lĩnh vực.

b) Đến năm 2045: Phát triển Ngành Khí tượng Thủy văn của Việt Nam có trình độ, năng lực tương đương các nước phát triển trên thế giới.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Quan trắc khí tượng thủy văn

- Tự động hóa đạt trên 95% đối với các trạm khí tượng, trạm đo mực nước, đo mưa, đo gió trên cao, tối thiểu 40% đối với các trạm đo lưu lượng; bổ sung ra đa thời tiết cho các khu vực trên đất liền, khu vực biên giới, các đảo và quần đảo thuộc chủ quyền Việt Nam; phát triển mạng lưới trạm khí tượng hải văn tự động, ưu tiên khu vực biển ven bờ Vũng Tàu - Cà Mau - Hà Tiên; phát triển một số trạm hải văn dạng phao trên các vùng biển ngoài khơi.

Lồng ghép hệ thống quan trắc môi trường không khí, nước mặt, đo mặn vào hệ thống trạm khí tượng thủy văn quốc gia; ứng dụng các công nghệ quan trắc mới, hiện đại phục vụ quan trắc khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu.

- Phát triển, hoàn thiện mạng lưới trạm khí tượng thủy văn phục vụ nhu cầu của bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân trong các lĩnh vực có liên quan; 100% công trình phải quan trắc khí tượng thủy văn được thực hiện quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn theo quy định của pháp luật.

- Hoàn thiện các quy trình vận hành chuẩn (SOPs) quản lý hệ thống trạm khí tượng thủy văn quốc gia; xây dựng hệ thống kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khí tượng thủy văn hiện đại; kiểm định, hiệu chuẩn 100% phương tiện đo tại các trạm khí tượng thủy văn của quốc gia và của bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân; xây dựng, vận hành một số mô hình quản lý trạm khí tượng thủy văn hiện đại tự động hóa, giảm thiểu trạm đo thủ công.

b) Thông tin, dữ liệu, truyền tin và chuyển đổi số khí tượng thủy văn

- Đảm bảo duy trì hoạt động ổn định, thông suốt của hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin; an toàn thông tin đạt cấp độ 3-4; cung cấp dịch vụ công lĩnh vực khí tượng thủy văn đạt mức độ 4.

- Xây dựng được cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia tập trung, liên thông với các cơ sở dữ liệu chung của quốc gia; 100% số liệu quan trắc tại các trạm thuộc hệ thống khí tượng thủy văn quốc gia được thu nhận sát theo thời gian thực và kiểm soát, lưu trữ theo quy định; 100% số liệu quan trắc tại các công trình phải quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn theo quy định của pháp luật và tối thiểu 75% số liệu quan trắc tại trạm khí tượng thủy văn khác được thu nhận, tích hợp vào cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia.

- Chuyển đổi số lĩnh vực khí tượng thủy văn đạt 100% theo chỉ tiêu chuyển đổi số của ngành tài nguyên và môi trường, quốc gia; cập nhật, số hóa 100% tư liệu giấy khí tượng thủy văn; tăng năng lực tính toán chuyên ngành khí tượng thủy văn của hệ thống đạt từ 5 đến 10 lần so với năm 2020.

c) Dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn

- Dự báo khí tượng thủy văn hàng ngày trong điều kiện bình thường có độ tin cậy đạt 80-85%.

- Dự báo đủ độ tin cậy quỹ đạo và cường độ áp thấp nhiệt đới trước 02-03 ngày; tăng thời hạn cảnh báo quỹ đạo và cường độ bão trước 03-05 ngày.

- Dự báo, cảnh báo lũ đủ độ tin cậy cho các hệ thống sông lớn ở Bắc Bộ trước 02-03 ngày, ở Trung Bộ trước 01-02 ngày, ở Nam Bộ trước 10 ngày; tăng chất lượng dự báo định lượng mưa lớn trước 02-03 ngày lên thêm 5-10% so với năm 2020; cảnh báo đủ độ tin cậy lũ quét, sạt lở đất trước 06-24 giờ; tăng thời hạn dự báo thời tiết đến 10 ngày, cảnh báo xu thế diễn biến một số hiện tượng khí tượng thủy văn nguy hiểm đến 1 tháng, cảnh báo hiện tượng ENSO và tác động đến Việt Nam, hạn hán, xâm nhập mặn từ 03 tháng đến 01 năm.

- Cung cấp 100% thông tin phân vùng thiên tai, rủi ro thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu, tài nguyên khí hậu, tài nguyên nước phục vụ việc xây dựng, thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự án trọng điểm của quốc gia.

d) Phát triển thị trường dịch vụ, công nghệ khí tượng thủy văn

- Tăng doanh thu từ hoạt động dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập khí tượng thủy văn đến năm 2030 đạt 40% kinh phí chi hoạt động thường xuyên do ngân sách nhà nước bố trí.

- Có cơ chế, chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước tham gia cung cấp dịch vụ, công nghệ khí tượng thủy văn và sản xuất, lắp ráp các phương tiện đo, trang thiết bị sử dụng trong mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia.

đ) Truyền thông khí tượng thủy văn

- Phần đầu đạt từ 95-100% bản tin dự báo, cảnh báo do Ngành Khí tượng Thủy văn ban hành được truyền tải đầy đủ, kịp thời đến chính quyền địa phương cấp xã, hộ gia đình, nhất là tại các vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai khí tượng thủy văn; tối thiểu đạt 90% chính quyền các cấp, hộ gia đình có hiểu biết cơ bản về bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.

- Phát triển thêm từ 30-50% số lượng các chương trình truyền hình, truyền thanh, các sản phẩm truyền thông khí tượng thủy văn và phần đầu tăng đạt trên 10 triệu lượt tương tác, theo dõi tại các mạng xã hội, kênh truyền thông đối với hoạt động khí tượng thủy văn.

- Phần đầu đến năm 2030, Tạp chí khí tượng thủy văn là tạp chí khoa học chuyên ngành trong danh mục hệ thống các Tạp chí quốc tế uy tín.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách, tăng cường quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy định pháp luật về khí tượng thủy văn, trong đó xem xét xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khí tượng thủy văn, điều chỉnh, bổ sung quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật liên quan đến hoạt động khí tượng thủy văn.

- Nghiên cứu hoàn thiện cơ chế, chính sách đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất phương tiện đo, thiết bị và cung cấp công nghệ, dịch vụ hoạt động khí tượng thủy văn.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn trên cơ sở củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp và rõ chức năng, nhiệm vụ; xác định rõ vai trò, trách nhiệm, cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương; xây dựng lộ trình, phương án phù hợp theo quy định của pháp luật nhằm đẩy mạnh cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập về khí tượng thủy văn.

- Rà soát, đánh giá tác động đến các điều kiện khí tượng thủy văn của công trình thuộc các ngành, lĩnh vực; hoàn thiện quy định về tích hợp, đồng bộ dữ liệu khí tượng thủy văn, khai thác, sử dụng, lồng ghép thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp, các ngành, địa phương.

- Tăng cường năng lực quản lý, quan trắc, giám sát và dự báo nguồn nước, tài nguyên khí hậu, biến đổi khí hậu; phát triển hệ thống giám sát, quản lý và đánh giá hoạt động quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn theo hướng tự động hóa.

- Xây dựng Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Khung dịch vụ khí hậu quốc gia cho Việt Nam trên cơ sở Khung dịch vụ khí hậu toàn cầu.

- Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật về khí tượng thủy văn và nâng cao nhận thức cộng đồng về khai thác sử dụng bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.

2. Hiện đại hóa hệ thống quan trắc, thông tin, nâng cao năng lực công nghệ dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn

a) Phát triển, hiện đại hóa hệ thống trạm khí tượng thủy văn

- Đầu tư thiết bị, công nghệ quan trắc, thu thập và xử lý số liệu tự động đối với mạng lưới trạm khí tượng bề mặt, khí tượng trên cao, thủy văn, hải văn; bổ sung mạng lưới trạm đo mưa tự động, đặc biệt tại những nơi thường xảy ra lũ quét, sạt lở đất, ngập lụt như miền núi phía Bắc, miền Trung và Tây Nguyên thông qua đầu tư từ ngân sách nhà nước, xã hội hóa và thuê dịch vụ; ứng dụng phương tiện bay không người lái, số liệu vệ tinh quan trắc trái đất, công nghệ siêu âm, công nghệ ra đa, công nghệ laser, camera kỹ thuật số trong lĩnh vực khí tượng thủy văn.

- Tích hợp, lồng ghép giữa mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia với các trạm quan trắc trong ngành tài nguyên và môi trường và đồng bộ, liên thông với các trạm khí tượng thủy văn của bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân.

- Tăng cường các trạm đo mặn, đo lưu lượng và hàm lượng phù sa, nhất là tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

- Nghiên cứu, phát triển hệ thống giám sát, quản lý và đánh giá hoạt động quan trắc khí tượng thủy văn hiện đại, theo hướng tự động; nâng cao năng lực, mở rộng hệ thống kiểm định, sửa chữa thiết bị, phương tiện đo khí tượng thủy văn; nâng cấp hệ thống phân tích thí nghiệm môi trường không khí và môi trường nước.

b) Công tác thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn

- Hoàn thiện hệ thống tích hợp dữ liệu tập trung; phát triển, hoàn thiện hệ thống phần mềm nghiệp vụ dùng chung phục vụ quản lý và cung cấp, chia sẻ dữ liệu khí tượng thủy văn.

- Đầu tư, nâng cấp hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin của hệ thống khí tượng thủy văn quốc gia; thay thế các công nghệ cũ để theo dõi, giám sát và ứng cứu sự cố an ninh thông tin khí tượng thủy văn; mạng truyền tin hiện đại tại các địa điểm trọng yếu và kho lưu trữ tư liệu đạt chuẩn của Ngành.

- Ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo trong công tác thông tin, dữ liệu; xây dựng hệ thống tương tác giữa người dùng và thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trên các nền tảng công nghệ hiện đại.

c) Phát triển và hiện đại hóa công nghệ dự báo khí tượng thủy văn

- Xây dựng hệ thống hỗ trợ dự báo khí tượng thông minh; hệ thống dự báo tác động; hệ thống chuyên dụng phân tích và dự báo bão, áp thấp nhiệt đới; phát triển hệ thống dự báo mô hình số trị có đồng hóa các loại số liệu bề mặt và viễn thám, tập trung nâng cao chất lượng dự báo định lượng mưa ở các thời hạn dự báo từ cực ngắn đến dự báo trước từ 02-03 ngày; xây dựng, cập nhật bộ số liệu chuẩn khí hậu quốc gia và giám sát biến đổi khí hậu; tăng mức chi tiết các dự báo sớm, dài hạn, diễn biến khí hậu quy mô mùa đến 01 năm.

- Đánh giá tổng thể và phân vùng chi tiết rủi ro thiên tai khí tượng thủy văn; đánh giá và cập nhật tài nguyên khí hậu, tài nguyên nước, xây dựng hệ thống giám sát và cảnh báo lũ quét, sạt lở đất thời gian thực cho các khu vực

vùng núi, trung du, chi tiết tới cấp huyện, xã; tích hợp, đồng bộ các mô hình dự báo thủy văn trên các lưu vực sông, xây dựng công cụ cảnh báo, dự báo chi tiết phạm vi ngập lụt, độ sâu ngập lụt vùng hạ lưu các lưu vực sông và hạ lưu các hồ chứa.

- Nghiên cứu ứng dụng giải pháp công nghệ hiện đại trong dự báo, cảnh báo bão, mưa lớn, dông, lốc, sét, lũ, lũ quét, sạt lở đất; triển khai các sản phẩm dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn truyền tải đa dạng trên nền tảng công nghệ số.

3. Đẩy mạnh xã hội hoá, thương mại hóa, xây dựng và hình thành thị trường dịch vụ, công nghệ khí tượng thủy văn

- Tổ chức, sắp xếp hoạt động dịch vụ khí tượng thủy văn của các đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm tăng giá trị, hiệu quả các sản phẩm, dịch vụ khí tượng thủy văn.

- Hoàn thiện định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá liên quan đến hoạt động dịch vụ khí tượng thủy văn trên cơ sở tính toán đầy đủ chi phí cơ bản, phù hợp với cơ chế thị trường; tổ chức triển khai một số sản phẩm, dịch vụ hiện do cơ quan khí tượng thủy văn quốc gia thực hiện theo phương thức đối tác công - tư.

4. Phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng khoa học công nghệ và tăng cường hợp tác quốc tế khí tượng thủy văn

- Có chế độ, chính sách phù hợp, thoả đáng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm công tác khí tượng thủy văn, nhất là ở vùng khó khăn và đào tạo, tuyển dụng nguồn nhân lực khí tượng thủy văn; thuê chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu về khí tượng thủy văn.

- Đổi mới nội dung, chương trình và hình thức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm công tác khí tượng thủy văn; lồng ghép các kiến thức cơ bản về khí tượng thủy văn vào chương trình giáo dục phổ thông các cấp và các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ số, tự động hóa, viễn thám và các công nghệ hiện đại khác trong công tác khí tượng thủy văn; từng bước làm chủ công nghệ thám sát bằng phương tiện bay, vệ tinh khí tượng, mô hình tính toán toàn cầu về khí tượng, mô hình thủy văn hiện đại; triển khai các đề án, dự án, chương trình khoa học công nghệ trọng điểm về khí tượng thủy văn.

- Tăng cường hợp tác với các quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế, nhất là trong hoạt động dự báo khí tượng thủy văn và thực hiện các cam kết quốc tế về khí tượng thủy văn; nâng cao vai trò quản lý, điều phối tại Tổ chức Khí tượng Thế giới, Ủy ban bão quốc tế; phát huy vai trò Trung tâm hỗ trợ dự báo thời tiết nguy hiểm, Trung tâm dự báo hỗ trợ lũ, lũ quét cho khu vực ASEAN; hỗ trợ, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân khai thác, phát triển thị trường dịch vụ, công nghệ khí tượng thủy văn tại các nước trên thế giới và trong khu vực.

5. Truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng

- Đẩy mạnh thực hiện các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng về khí tượng thủy văn.

- Xây dựng các phương tiện, nền tảng công nghệ tạo thuận lợi cho các cấp chính quyền và người dân tiếp cận được thông tin khí tượng thủy văn, đặc biệt là ở miền núi, ngư dân ven biển, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các đối tượng đặc thù khác; xây dựng hệ thống truyền thông tác động của thiên tai, rủi ro thiên tai khí tượng thủy văn đối với các hoạt động kinh tế - xã hội, đời sống dân sinh.

- Xây dựng hệ thống thông tin chuyên biệt về khí tượng thủy văn trên hạ tầng số để truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng về các sản phẩm, dịch vụ khí tượng thủy văn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan và địa phương tổ chức thực hiện các nội dung của Chiến lược; triển khai các chương trình, đề án, dự án liên quan để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược theo thẩm quyền và chức năng quản lý nhà nước được giao; tiếp nhận thông tin phản hồi từ các cơ quan, đơn vị, người dân về hiệu quả, tác động của thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn đối với phát triển kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; theo dõi, định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện Chiến lược; trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định điều chỉnh nội dung Chiến lược trong trường hợp cần thiết.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ và các cơ quan có liên quan nghiên cứu chế độ, chính sách phù hợp đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm công tác khí tượng thủy văn, nhất là ở những vùng khó khăn; chính sách thúc đẩy xã hội hoá, thương mại hóa, xây dựng và hình thành thị trường dịch vụ, công nghệ khí tượng thủy văn.

- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan có liên quan tổ chức truyền thông, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chiến lược.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, khả năng cân đối ngân sách nhà nước hằng năm và phân cấp ngân sách nhà nước, xem xét cân đối ngân sách nhà nước hằng năm để thực hiện có hiệu quả các nội dung của Chiến lược theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Các Bộ, ngành khác có liên quan căn cứ chức năng quản lý nhà nước và nhiệm vụ được giao có trách nhiệm đề xuất, tổ chức thực hiện các đề án, dự án phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan liên quan xây dựng nội dung chi tiết, dự toán kinh phí cho từng nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của địa phương phù hợp nội dung của Chiến lược và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bố trí kinh phí thực hiện theo quy định về phân cấp ngân sách nhà nước.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
 - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
 - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
 - HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
 - Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
 - Văn phòng Tổng Bí thư;
 - Văn phòng Chủ tịch nước;
 - Văn phòng Quốc hội;
 - UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
 - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
 - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: CN, KTTH, KGVX, QHQT;
- Lưu: VT, NN (2b). Tuyenh 93

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Văn Thành



Phụ lục
DANH MỤC ĐỀ ÁN, DỰ ÁN ƯU TIÊN
(Kèm theo Quyết định số 1940/QĐ-TTg
ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên chương trình/Đề án/Dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả đầu ra	Thời gian thực hiện
1.	Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành, địa phương	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	2021-2023
2.	Đề án tổng thể ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động khí tượng thủy văn của bộ, ngành, địa phương giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Thông tin và Truyền thông, các Bộ, ngành, địa phương	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Giai đoạn I: 2022-2025 Giai đoạn II: 2025-2030
3.	Chương trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống hỗ trợ dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn và tổng điều tra, khảo sát, đánh giá tác động của thiên tai trên phạm vi toàn quốc	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các Bộ, ngành, địa phương	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	2022-2025
4.	Đề án tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho mạng lưới quan trắc, dự báo, cảnh báo và thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn giai đoạn 2023-2030	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các Bộ, ngành, địa phương	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	2023-2030
5.	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khí tượng Thủy văn	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các Bộ, ngành, địa phương	Dự án luật trình Quốc hội xem xét	2024-2025